

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2023/DS-ST

Ngày: 24/7/2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tống Văn Tư**
2. Ông **Trần Trung Nhân**
- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Kim Liêu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Trong ngày **24** tháng **7** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 338/2023/TLST-DS ngày 19/6/2023 về việc tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST-DS ngày 07/7/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị N** (thường gọi là C), sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

*** Bị đơn:** Công ty TNHH lương thực T Đ.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Mai Thị N T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: số 1774 tỉnh lộ 8, ấp A, xã H, huyện C, Thành Phố H.

(Bà N, bà T, ông M có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/6/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Từ năm 2019 bà N với ông M cùng hợp tác bỏ tiền ra để mua lúa về sấy, xay thành gạo bán lại cho Công ty TNHH lương thực T Đ, tổng cộng 20 phiếu với số tiền 12.065.350.000 đồng nợ từ ngày 12/11/2022 cho đến ngày 13/4/2023 thì Công ty TNHH lương thực T Đ có làm biên nhận.

Nay bà N yêu cầu Công ty TNHH lương thực T Đ đại diện bà T trả cho bà N số tiền 12.065.350.000 đồng và trả lãi chậm trả theo lãi ngân hàng tính từ ngày 29/11/2022 cho đến ngày xét xử, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực.

* Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Mai Thị N T trình bày:

Bà T thống nhất với ý kiến trình bày của bà N về quá trình làm ăn với nhau, hiện bà T còn nợ số tiền 12.065.350.000 đồng chưa trả.

Bà T đồng ý trả cho bà N 12.065.350.000 đồng và lãi chậm trả, khi nào bán được tài sản sẽ trả cho bà N, do công ty hiện tại không còn hoạt động kinh doanh được.

* Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M:

Ông M có đưa tiền cho bà N 4.000.000.000 đồng vào ngày 23/6/2022 để bà N làm ăn với Công ty TNHH lương thực T Đ, có làm biên nhận nợ chị N.

Nay bà N kiện Công ty TNHH lương thực T Đ ông M không có ý kiến gì, đối với số tiền 4.000.000.000 đồng bà N nợ ông thì để ông với bà N thỏa Tận, nếu không thỏa thuận được thì ông kiện bà N giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Bà N yêu cầu Công ty TNHH lương thực T Đ có nghĩa vụ trả số tiền 12.065.350.000 đồng. Bị đơn Công ty TNHH lương thực T Đ đại diện bà T đồng ý trả nhưng xin trả dần. Xét, bị đơn thừa nhận số nợ và đồng ý trả cho bà N 12.065.350 đồng, nên lời thừa nhận nợ của bà T đây là tình tiết không cần phải chứng M theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, bà N yêu cầu Công ty TNHH lương thực T Đ đại diện bà Mai Thị Ngọc T trả số tiền 12.065.350 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự.

[2] Ngoài ra, bà N còn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả đối số tiền 12.065.350.000 đồng tính từ ngày 29/11/2022 cho đến ngày xét xử các bên thống nhất lấy tròn 08 tháng x 12.065.350.000 đồng x 0,83% = 801.139.240 đồng. Xét, bà T đồng ý trả cho bà N lãi chậm trả. Do đó, bà N yêu cầu Công ty TNHH lương thực T Đ trả lãi số tiền 801.139.240 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận về thời gian trả số tiền trên. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền này do hai bên đương sự thỏa Tân với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, nên buộc bị đơn phải chịu tiền án phí số tiền 120.866.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 428, Điều 438, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc Công ty TNHH lương thực T Đ đại diện bà Mai Thị N T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vốn 12.065.350.000 đồng và lãi 801.139.240 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 12.866.489.000 đồng (Mười hai tỷ tám trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc Công ty TNHH lương thực T Đ đại diện bà Mai Thị Ngọc T phải chịu 120.866.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N, Công ty TNHH lương thực T Đ đại diện bà Mai Thị N T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tân thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe